

Số: 404 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ 2022-2025 của Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *RL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCPCP, PTG, NTQN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng





**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 404 /QĐ-BNV
ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

- a) Tên tiếng Việt: Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam;
- b) Tên tiếng Anh: Viet Nam Odonto - Stomatology Association;
- c) Tên viết tắt:
 - Tên viết tắt tiếng Việt: Hội RHMVN;
 - Tên viết tắt tiếng Anh: VOSA.

2. Biểu tượng: Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực răng hàm mặt tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Vị trí pháp lý, trụ sở

- 1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.
- 2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể lập Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- 1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật.
- 2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của Bộ Y tế và các Bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực răng hàm mặt, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động dịch vụ liên quan đến lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật. Được tham gia đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, dự án, đề án thuộc lĩnh vực răng hàm mặt khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ của Hội, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan đến lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật để tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; phát triển mạng lưới hội viên về số lượng và trình độ; tổ chức phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Bảo vệ danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với quy định pháp luật.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật. Tham gia biên soạn hoặc đóng góp ý kiến cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc biên soạn và thẩm định các quy định, quy trình, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực răng hàm mặt và giám sát tuân thủ thực hành về lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Khen thưởng và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động của Hội, trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng và công tác khám, chữa bệnh từ thiện trong lĩnh vực răng hàm mặt.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật và báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt; thay đổi trụ sở Hội; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thành lập văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

10. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

11. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Lập và lưu trữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Hội công nhận làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: bác sỹ, nha sỹ, dược sỹ, kỹ sư, kỹ thuật viên, điều dưỡng, công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ đã hoặc đang làm việc trong lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật;

b) Hội viên tổ chức: các tổ chức Việt Nam có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật hoạt động trong lĩnh vực răng hàm mặt hoặc có liên quan đến lĩnh vực răng hàm mặt theo quy định của pháp luật. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia Hội phải là công dân Việt Nam.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.



2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Tham gia xây dựng quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội và hồ sơ theo mẫu do Hội quy định. Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Sau khi có quyết định kết nạp, hội viên đóng hội phí theo quy định của Hội và được cấp thẻ hội viên.

2. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội:

Tư cách hội viên sẽ không còn nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Đối với hội viên tự nguyện ra khỏi Hội: hội viên có đơn gửi Ban Thường vụ Hội;

b) Hội viên cá nhân mất khả năng hành vi dân sự, bị chết hoặc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

c) Hội viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý cấm hành nghề;

d) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội, không đóng hội phí trong thời gian ba năm liên tiếp mà không có lý do chính đáng.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội; quản lý, cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, văn phòng đại diện và các Ban chuyên môn.

6. Chi hội.

7. Các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 03 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành; trừ quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 20% (hai mươi phần trăm) so với số lượng thành viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành Hội (kể cả ủy viên Ban Chấp hành được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành Hội đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Trong trường hợp Chủ tịch Hội không triệu tập họp Ban Chấp hành Hội theo yêu cầu của Ban Thường vụ Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành Hội thì Phó Chủ tịch Hội hoặc Tổng thư ký Hội triệu tập;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến thành viên Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hội; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Văn phòng, các Ban chuyên môn, các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ Hội có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Hội thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ Hội bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu; Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ủy viên Ban kiểm tra có thể bị miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Đại hội bất thường hoặc theo đề nghị của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu hoặc miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có);

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và những vấn đề có liên quan đến Hội, hội viên tổ chức thuộc và trực thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra những vấn đề liên quan đến Hội, hội viên, các chi hội, các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội do các cơ quan chức năng nhà nước yêu cầu. Kết

luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội.

4. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành Hội, Văn phòng, các Ban chuyên môn, các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội cung cấp thông tin tài liệu, chứng từ liên quan đến các vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra.

5. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ban Kiểm tra bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội. Thời gian đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội không quá 01 nhiệm kỳ và luân phiên theo vùng miền.

2. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Thay mặt Ban Thường vụ ký Quyết định thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;

e) Thay mặt Ban Thường vụ ký quyết định kết nạp, khai trừ hội viên, quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên, ký các hợp đồng về tuyển dụng nhân sự vào làm việc tại Văn phòng Hội, văn phòng đại diện theo quy định của Bộ Luật Lao động và Điều lệ Hội;

g) Phân công công việc đối với các Phó Chủ tịch Hội trong từng lĩnh vực công việc của Hội;

h) Làm chủ tài khoản của Hội hoặc ủy quyền, phân công nhiệm vụ cho các ủy viên Ban Chấp hành; chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu được Chủ tịch mới;

i) Trực tiếp chỉ đạo công việc của Tổng thư ký Hội;

k) Cử hội viên của Hội đi công tác, tham dự hội nghị, hội thảo, tham gia các chương trình điều tra khảo sát, nghiên cứu, giám định, tư vấn, phản biện, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện nhiệm vụ của Hội;

l) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội:

a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định;

b) Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

c) Tùy theo nhu cầu công tác, một Phó Chủ tịch được ủy quyền, phân công thay mặt Chủ tịch Hội để điều hành công việc của Hội và chủ trì giải quyết công việc thường xuyên của Hội khi Chủ tịch vắng mặt, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội về những quyết định của mình.

Điều 18. Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ. Tổng thư ký kiêm Chánh Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký Hội là người giúp Chủ tịch Hội điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội; tổ chức triển khai các hoạt động của Hội theo chủ trương và kế hoạch đã được Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ đề ra; quản lý và điều hành các công việc thường xuyên của Hội; theo dõi tổng hợp tình hình hoạt động của Hội và hội viên, báo cáo định kỳ cho Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội.

Điều 19. Chi hội

1. Chi hội là tổ chức cơ sở thuộc Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được thành lập khi có từ 30 hội viên chính thức trở lên. Nhiệm kỳ của chi hội là 02 năm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của chi hội:

a) Tôn trọng và thi hành Điều lệ của Hội;

b) Tham gia các hoạt động của Hội;

c) Tổ chức trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, thường xuyên báo cáo các hoạt động của chi hội lên Hội;

d) Cập nhật danh sách hội viên do chi hội quản lý và báo cáo lên Hội;

đ) Được tham gia thảo luận về các hoạt động của Hội;

e) Được giới thiệu đại diện ứng cử vào Ban Chấp hành Hội;

g) Được thu phí hội viên của hội viên sinh hoạt tại chi hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội, chi hội được giữ lại 95% (chín mươi lăm phần trăm) phí hội viên để hoạt động và gửi 5% (năm phần trăm) phí hội viên về Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định trình tự, thủ tục, điều kiện thành lập chi hội.

Điều 20. Văn phòng Hội, văn phòng đại diện, các Ban chuyên môn, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội, văn phòng đại diện, các Ban chuyên môn và các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội do Ban Thường vụ quyết định thành lập theo Nghị quyết của Ban Chấp hành. Chủ tịch Hội thay mặt Ban Thường vụ ký: quyết định thành lập và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Văn phòng Hội, văn phòng đại diện, các Ban chuyên môn và các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội.

2. Các Ban chuyên môn và Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc Ban Thường vụ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm lập danh sách và cập nhật danh sách chi hội, hội viên; làm thẻ hội viên.

4. Các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội.

Chương V CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có);

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Văn phòng, Ban chuyên môn, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Văn phòng, Ban chuyên môn, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức như: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ hoặc xóa tên khỏi danh sách hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

**Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam thông qua khi được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam gồm 08 Chương, 27 Điều đã được Đại hội nhiệm kỳ 2022-2025 Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 283/QĐ-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội, Ban Chấp hành Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.